

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường chứng khoán thế giới sau khi Hạ viện Mỹ thông qua gói đầu tư cho cơ sở hạ tầng trị giá 1,200 tỷ USD

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm sau thông tin Hạ viện Mỹ thông qua gói chi tiêu hạ tầng 1,200 tỉ USD

[Thông tin doanh nghiệp]

TPB, MML

[Cập nhật công ty]

VIB, NVL

[Quan điểm đầu tư]

NĐT có thể tiếp tục nắm giữ 1 phần vị thế bám theo xu hướng chính ở mức cân bằng và linh hoạt trading quay vòng phần còn lại, mua tại hỗ trợ - bán tại kháng cự để tăng hiệu quả cho danh mục.

08/11/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,467.57	+0.76
VN30	1,535.66	+0.25
HĐTL VN30F1M	1,537.70	+0.17
HNXIndex	432.10	+1.04
HNX30	709.53	+2.24
UPCoM	109.03	+0.77
USD/VND	22,658	-0.18
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.11	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.61	+7
Dầu (WTI, \$)	82.29	+1.26
Vàng (LME, \$)	1,815.20	-0.17



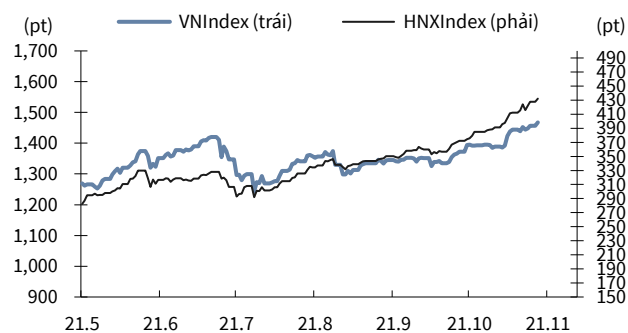
Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,467.57 (+0.76%)
KLGD (triệu CP)	1,075.5 (+32.2%)
GTGD (triệu US\$)	1,387.5 (+20.5%)
HNXIndex	432.10 (+1.04%)
KLGD (triệu CP)	169.6 (+9.9%)
GTGD (triệu US\$)	172.8 (+14.0%)
UPCoM	109.03 (+0.77%)
KLGD (triệu CP)	160.2 (-10.3%)
GTGD (triệu US\$)	118.4 (+18.6%)

TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường chứng khoán thế giới sau khi Hạ viện Mỹ thông qua gói đầu tư cho cơ sở hạ tầng trị giá 1,200 tỷ USD. Thông tin trên tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm nguyên vật liệu ở HT1(+2.7%), HPG (+0.4%). Theo dữ liệu của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), trong tháng 10, nhà đầu tư trong nước tiếp tục mở mới 129,751 tài khoản chứng khoán, tăng gần 13% so với tháng 9 giúp cổ phiếu ngành chứng khoán tăng giá VND (+5.1%), HCM (+4.5%). Cổ phiếu thủy sản tăng giá FMC (+1.9%), MPC (+1.3%) trước thông tin từ Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam, giá trị xuất khẩu tôm tháng 10/2021 đạt 438,669 triệu USD (+1.6% YoY), tương ứng tăng mạnh 42% so với tháng 9. Khối ngoại mua ròng ở HPG (+0.4%), VHM (+0.5%), GEX (+7%).

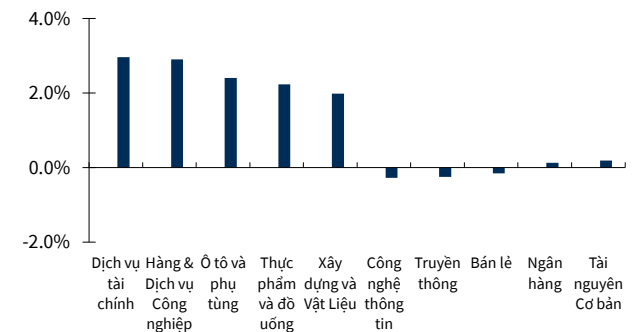
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +23.9

VNIndex & HNXIndex



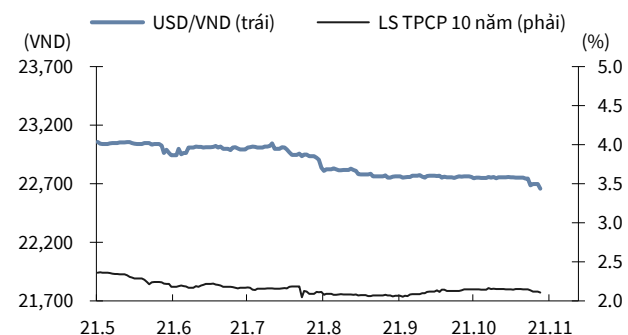
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

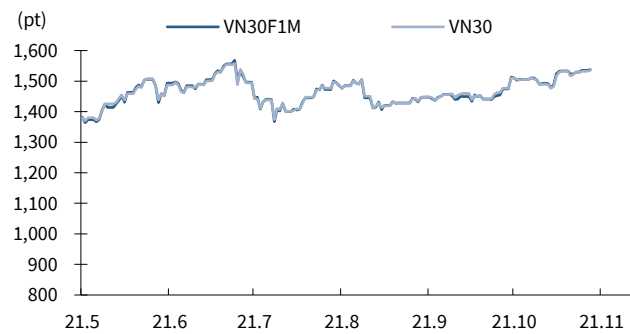
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,535.66 (+0.25%)
VN30F1M	1,537.7 (+0.17%)
Mở cửa	1,537.6
Cao nhất	1,545.5
Thấp nhất	1,533.6

Các HĐTL tăng điểm sau thông tin Hạ viện Mỹ thông qua gói chi tiêu hạ tầng 1,200 tỉ USD. Chênh lệch F2111 và chỉ số VN30 biến động giằng co với biên độ dương trong khoảng 0.84 – 7.74 điểm và đóng cửa ở mức 2.04 điểm. Khối ngoại giao dịch cân bằng với thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

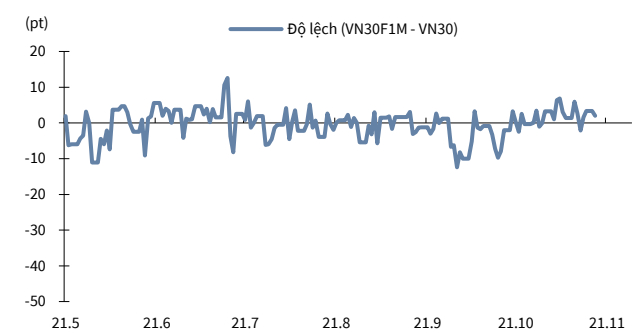
KLGD (HĐ)	112,310 (+12.0%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



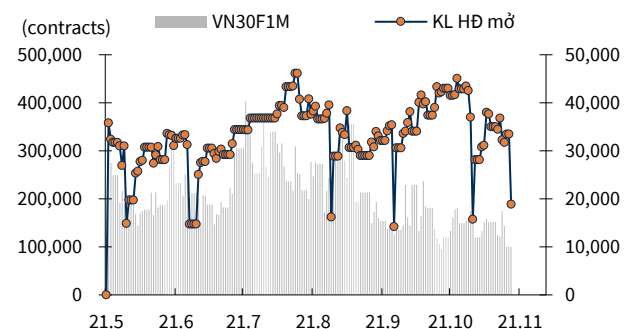
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



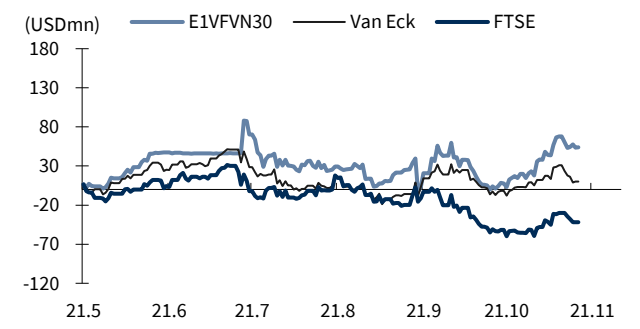
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

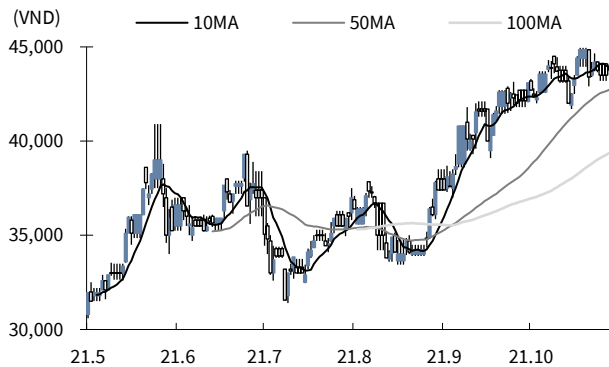
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

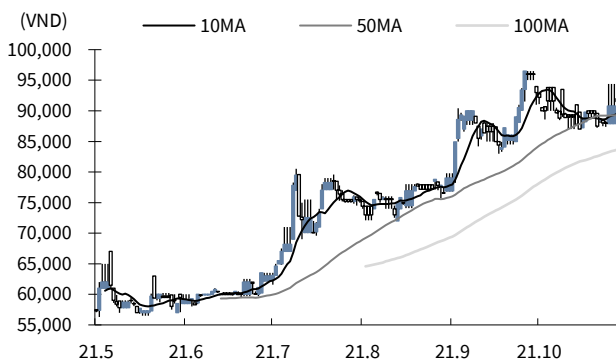
TPBank (TPB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TPB tăng 0.69% lên 43,800 VND/cp
- TPBank thông qua phương án tăng vốn điều lệ tăng vốn điều lệ đợt 2 năm 2021 hơn 410 triệu cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, tương đương tỷ lệ phát 35%. Sau khi hoàn tất phát hành, vốn điều lệ của TPBank sẽ tăng từ 11,716 tỷ đồng lên hơn 15,817 tỷ đồng.
- Vừa qua, TPBank cũng công bố đã hoàn tất việc tuân thủ Hiệp ước Basel III.

Masan MeatLife (MML)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MML giảm 0.11% xuống 91,500 VND/cp
- Masan công bố hợp tác chiến lược với De Heus Việt Nam. Theo đó, De Heus Việt Nam sẽ tiếp quản 100% mảng kinh doanh thức ăn chăn nuôi từ Masan MEATLife và đầu tư 600-700 triệu USD vào chuỗi cung ứng đạm động vật tại Việt Nam. De Heus sẽ cung cấp 70% nhu cầu thức ăn chăn nuôi cho trang trại và ít nhất 2.8 triệu heo thịt cho các sản phẩm thịt mát và thịt mát chế biến của Masan MEATLife trong 5 năm tới.

NHTMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)

Kỳ vọng hồi phục trong 4Q2021

Ngày 4/11/2021, NHTMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) đã tổ chức buổi gặp gỡ nhà đầu tư để thông báo về KQKD 3Q2021 và triển vọng kinh doanh quý cuối năm 2021 như sau:

Tăng trưởng LNTT 3Q2021 đạt -17% YoY, tỷ lệ nợ xấu đạt 2.1%

— 3Q 2021, VIB ghi nhận KQKD suy giảm so với cùng kỳ do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Thu nhập lãi thuần 3Q2021 đạt 2,678 tỷ VND, tăng 19.9% YoY với động lực từ tăng trưởng tín dụng đạt 25.7% YoY và 10.9% YTD và NIM vẫn duy trì ở mức cao, đạt 4.37% (-17bps QoQ). Thu nhập ngoài lãi đạt 401 tỷ VND, giảm 49.6% YoY trong đó lãi phí bảo hiểm giảm mạnh 46% YoY trong khi lãi phí thẻ tăng 21% YoY. Thu nhập hoạt động 3Q2021 đạt 3,080 tỷ VND, tăng 1.6% YoY tuy nhiên chi phí hoạt động tăng mạnh với tỷ lệ CIR đạt 46.4% (+928bps YoY) và chi phí trích lập dự phòng tăng 12.0% YoY khiến LNTT đạt 1,385 tỷ VND, giảm 17.0% YoY. Lũy kế 9M2021, LNTT đạt 5,339 tỷ VND, tăng 32.7% YoY.

— Nợ xấu tính đến 3Q2021 đạt 3,986 tỷ VND tương đương tỷ lệ nợ xấu đạt 2.12%, tăng 43bps QoQ. Chi phí trích lập dự phòng chỉ tăng 12% YoY khiến tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 54.1%, giảm 976bps QoQ, thuộc nhóm có tỷ lệ bao phủ nợ xấu thấp trong nhóm các ngân hàng được theo dõi. Với diễn biến làn sóng dịch bệnh đang có dấu hiệu trở lại cùng với tệp khách hàng cá nhân chiếm hơn 87% tổng dư nợ, nhiều khả năng VIB sẽ phải đẩy mạnh trích lập trong 4Q2021 và năm 2022. Dư nợ tái cơ cấu theo thông tư 01/2020 tính đến hết 3Q2021 dưới 1% tổng dư nợ, trong đó khoảng 95% thuộc khối ngân hàng bán lẻ và có tài sản đảm bảo.

Kỳ vọng tăng trưởng cao trong 4Q2021 nhờ hồi phục sau làn sóng dịch thứ 4

— KQKD trong tháng 10/2021 có sự hồi phục đáng kể so với 3Q2021. Cụ thể, tăng trưởng tín dụng đạt 13.4% YTD, tương đương tín dụng tháng 10 tăng trưởng 2.6% MoM, vượt xa trung bình 3 tháng quý 3 là 0.92% MoM. Thu nhập lãi thuần tăng 32% so với tháng 9, thu nhập từ phí bảo hiểm và phí thẻ lần lượt tăng 58% và 29% so với trung bình tháng 3Q2021; TOI tăng 35% MoM. Ban lãnh đạo kỳ vọng 4Q2021 sẽ ghi nhận KQKD cao nhất trong năm nhờ sự hồi phục sau dịch của nền kinh tế.

Nợ xấu sẽ là yếu tố cần quan tâm trong ngắn-trung hạn

— Theo quan điểm của KBSV, với tỷ lệ bao phủ nợ xấu thấp cùng với tỷ trọng khối bán lẻ lớn, áp lực trích lập đối với VIB sẽ gia tăng và ảnh hưởng đến KQKD nếu quá trình hồi phục của nền kinh tế bị chậm lại do dịch. Tuy nhiên, các nỗ lực tăng trưởng tín dụng, duy trì NIM, cải thiện CIR cùng dự địa cải thiện CASA nhờ việc thúc đẩy số hóa sẽ là yếu tố tích cực đối với VIB trong thời gian tới.

Novaland (NVL)

Lợi nhuận ròng Quý 3 giảm 74%YoY

Lợi nhuận quý 3 giảm do ảnh hưởng bởi dịch Covid.

- Doanh thu trong quý 3/2021 đạt 3.3 nghìn tỷ VND (57% YoY) trong đó doanh thu từ chuyển nhượng BĐS trong quý đạt 2.9 nghìn tỷ VND (+61.1% YoY) chủ yếu đến từ bàn giao các căn hộ tại dự án Sài Gòn Royal và Aqua City. Trong quý, NVL ghi nhận 223 tỷ VND lợi nhuận tài chính từ lãi thoái vốn từ công ty con sở hữu dự án IBIS tại Vũng Tàu. Chi phí bán hàng tăng mạnh so với cùng kỳ đạt 434.4 tỷ VND (+537.4% YoY). Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 0.6 nghìn tỷ VND (-74% YoY).
- Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu của NVL đạt 10.3 nghìn tỷ VND (+171.1% YoY), trong đó doanh thu chuyển nhượng BĐS đạt 9.2 nghìn tỷ VND (+253.9% YoY). Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 2.4 nghìn tỷ VND (-27.3% YoY). Như vậy, tính đến hết quý 3, NVL đã hoàn thành lần lượt 37.5% và 58.5% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cả năm.
- Biên lợi nhuận gộp đạt 46%, tăng so với mức 37% của cùng kỳ năm 2020 do tỷ trọng cao hơn của các sản phẩm thấp tầng được bàn giao (phần lớn tại các dự án Aqua City, Novaworld Hồ Tràm và Novaworld Phan Thiết) với biên lợi nhuận cao hơn so với căn hộ cao tầng.

Hoạt động bán hàng trong quý 3 bị ảnh hưởng do quá trình giãn cách xã hội kéo dài.

- Trong quý 3, NVL đã bán được 633 sản phẩm (-53.6%YoY) tương đương với tổng giá trị hợp đồng đạt 9.8 nghìn tỷ VND (-13.2%YoY).
- Lũy kế 9 tháng đầu năm, Novaland đã bán được 5,021 sản phẩm (+57.7%YoY), trong đó hơn 50% đến từ các dự án nghỉ dưỡng như Novaworld Phan Thiết và Hồ Tràm, phần còn lại đến từ các dự án nhà ở như Aqua City. Tổng giá trị hợp đồng bán đạt 55.3 nghìn tỷ VND (+119.3%YoY), trong đó 45% đến từ các dự án nghỉ dưỡng và phần còn lại đến từ các dự án nhà ở như Aqua City. NVL hiện đã thu được khoảng hơn 10 nghìn tỷ VND từ các giao dịch này. Tổng giá trị hợp đồng đã ký và chưa ghi nhận ghi nhận doanh thu tính đến hết quý 3/2021 đạt 153.1 nghìn tỷ VND.
- Công ty đang trong quá trình đàm phán để chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Project C (Thanh Mỹ Lợi, Tp.HCM). Hiện tại dự án đang trong quá trình giải phóng mặt bằng. Với việc GPMB nhanh và đạt kết quả tốt như hiện tại, NVL có thể thay đổi sang phương án mở bán sớm lại dự án thay vì chuyển nhượng cho đối tác. Ngoài ra, đối với dự án Victoria Village, công ty dự kiến sẽ nhận được GPXD vào khoảng cuối tháng 11 năm nay.

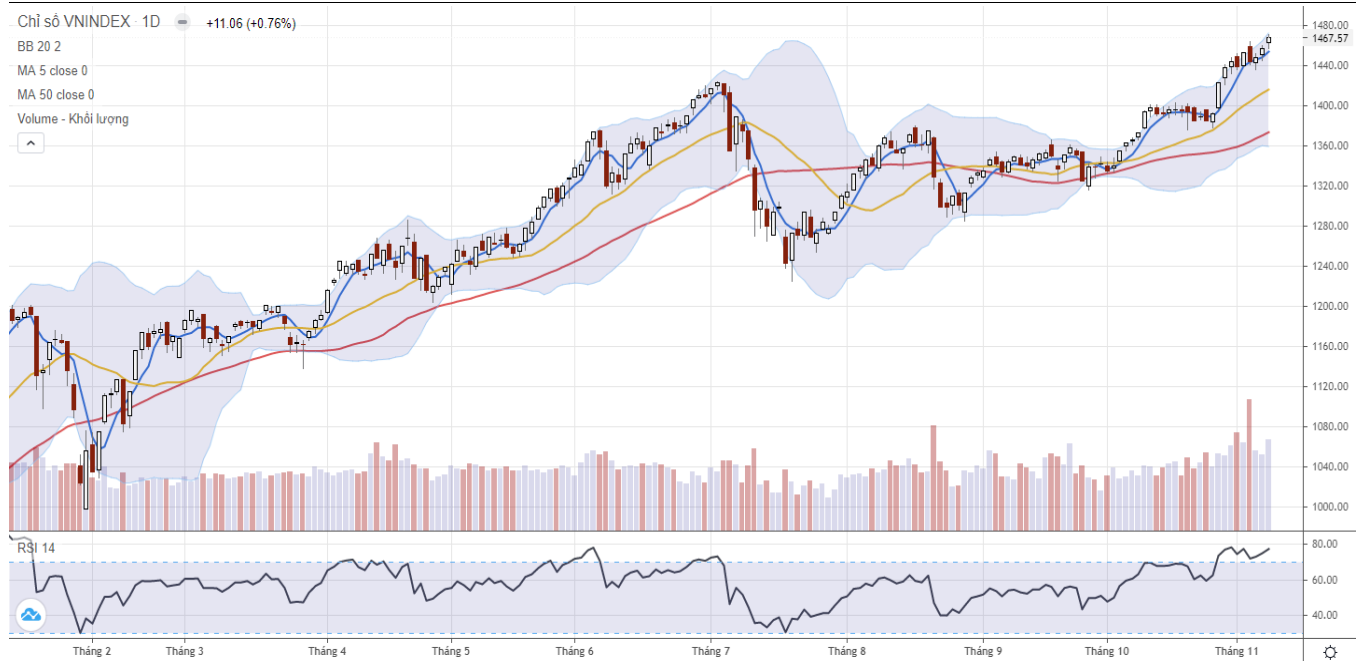
NVL điều chỉnh kế hoạch bán hàng năm 2021

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, NVL dự kiến sẽ điều chỉnh kế hoạch bán hàng trong năm 2021 từ 10 nghìn sản phẩm xuống còn 7 nghìn sản phẩm (+37.7%YoY). Như vậy, trong quý 4, NVL dự kiến sẽ mở bán thêm khoảng 2 nghìn sản phẩm với tổng giá trị hợp đồng khoảng 10 nghìn tỷ VND.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNINDEX



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp tăng điểm vào đầu phiên, VNINDEX trải qua diễn biến rung lắc nhẹ trước khi phục hồi và lấy lại đà tăng điểm vào cuối phiên.
- Với việc vượt vùng đỉnh ngắn hạn cùng thanh khoản cải thiện, chỉ số đang tiếp tục hướng lên vùng đích kỳ vọng tiếp theo tại quanh 1490 (+5). Mặc dù vậy, áp lực chốt lời giá cao sẽ sớm gia tăng áp lực và gây ra các nhịp rung lắc ngắn đan xen trong quá trình đi lên.
- NĐT có thể tiếp tục nắm giữ 1 phần vị thế bám theo xu hướng chính ở mức cân bằng và linh hoạt trading quay vòng phần còn lại, mua tại hỗ trợ - bán tại kháng cự để tăng hiệu quả cho danh mục.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1549 - 1554

Kháng cự gần: 1541 - 1542

Hỗ trợ gần: 1528 - 1532

Hỗ trợ xa: 1516 - 1521

- F1 tiếp tục diễn biến giằng co trong biên độ tương đối hẹp và hình thành mẫu nến spinning trung tính.
- Trạng thái của chỉ số vẫn chưa có nhiều thay đổi khi lực cản tại vùng kháng cự gần quanh 154x tiếp tục gây áp lực điều chỉnh lên chỉ số mặc dù xu hướng tăng chủ đạo vẫn đang được giữ vững.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục áp dụng chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, Long tại hỗ trợ và Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế Long đã mở, Stop nếu phá vỡ vùng hỗ trợ gần nhưng kê mở lại khi lùi về vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

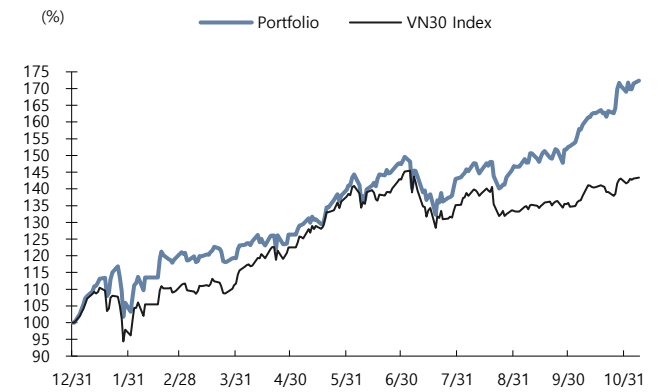
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.25%	0.52%
Tăng lũy kế (YTD)	43.42%	72.37%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 08/11/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	131,600	-0.3%	70.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	60,800	3.6%	148.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	108,000	0.0%	40.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	28,500	-0.5%	126.4%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	72,000	1.3%	111.8%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	97,400	-0.2%	234.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	32,800	0.3%	73.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	123,000	0.5%	67.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	56,800	0.4%	292.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	49,100	0.2%	258.4%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	0.4%	24.9%	168.7
VHM	0.5%	22.9%	128.6
GEX	7.0%	10.1%	84.6
VNM	1.8%	54.7%	83.0
STB	0.7%	16.4%	82.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
c	0.1%	1.6%	6.6
APS	0.5%	1.4%	4.5
PVS	1.4%	7.7%	1.8
PSI	9.6%	15.0%	1.2
VCS	-0.6%	3.6%	1.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SSI	3.7%	42.4%	-234.0
CMX	5.1%	20.9%	-34.6
HSG	-0.9%	11.4%	-14.0
NLG	3.6%	36.9%	-6.4
PDR	-1.9%	3.4%	-12.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IVS	9.5%	73.6%	-3.7
BCC	1.6%	1.5%	-1.4
TNG	0.6%	2.0%	-1.3
CEO	9.6%	17.2%	-0.9
VIG	5.1%	1.1%	-0.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	8.2%	VND, SSI
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.1%	GEX, TMS
Xây dựng và Vật Liệu	4.5%	VGC, PC1
Hóa chất	4.2%	GVR, DCM
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.0%	PNJ, GIL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bất động sản	-1.0%	VHM, NVL
Y tế	0.3%	PME, DHG
Bảo hiểm	0.5%	BMI, BIC
Ô tô và phụ tùng	0.6%	SVC, CTF
Truyền thông	0.8%	ADG, PNC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	16.8%	VGC, DPG
Dịch vụ tài chính	15.2%	VND, VCI
Hóa chất	12.7%	GVR, DPM
Ô tô và phụ tùng	11.7%	TCH, HHS
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.3%	GEX, TMS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-2.9%	HVN, VJC
Tài nguyên Cơ bản	-0.3%	HPG, HSG
Công nghệ thông tin	1.6%	FPT, ELC
Y tế	2.6%	DMC, PME
Bán lẻ	2.7%	DGW, PSH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	208,385 (9.2)	22.5	65.9	47.6	14.7	4.3	5.7	3.9	3.7	-0.1	-0.9	6.3	-1.3
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	578,101 (25.4)	26.6	10.5	10.1	35.9	33.1	27.0	3.1	2.4	0.5	-2.3	3.1	19.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	221,172 (9.7)	17.8	36.5	20.1	-7.6	6.6	10.5	2.3	2.2	-1.1	-1.0	5.8	-1.8
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	338,942 (14.9)	31.3	36.2	21.2	6.7	18.0	16.3	4.3	3.6	-0.4	-4.6	0.1	117.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	167,650 (7.4)	11.6	28.6	20.7	18.0	12.3	14.7	3.3	2.8	-0.3	-1.9	10.3	80.4
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	220,946 (9.7)	13.9	17.1	10.1	-	14.8	21.1	2.2	1.8	6.8	8.8	24.3	86.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	109,698 (4.8)	6.3	17.8	14.0	11.7	19.9	20.5	3.1	2.5	0.7	1.2	1.2	0.3
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	81,495 (3.6)	12.7	19.0	13.5	-5.3	13.2	16.8	2.0	1.9	0.7	5.0	12.0	-8.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	968,119 (42.6)	0.0	10.8	9.1	14.3	20.8	20.1	2.0	1.7	-0.8	1.9	3.7	67.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	348,603 (15.3)	1.4	10.1	8.2	61.1	18.5	20.3	1.5	1.3	0.3	1.9	11.4	22.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	319,756 (14.1)	0.0	13.1	11.1	18.8	18.5	16.6	2.2	1.8	-1.1	0.0	4.6	108.0
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	320,398 (14.1)	0.0	9.0	7.4	14.6	22.0	22.3	1.7	1.4	-0.5	0.4	2.9	68.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	92,789 (4.1)	4.2	9.7	8.5	23.3	21.9	21.0	1.8	1.5	1.1	6.7	10.9	42.1
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	374,557 (16.5)	14.0	17.1	12.3	26.5	10.6	12.4	1.5	1.4	0.7	4.7	8.4	64.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	160,946 (7.1)	0.0	10.3	8.6	37.5	22.6	20.3	2.0	1.6	0.7	0.9	3.9	63.4
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	9,771 (0.4)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-0.4	8.2	12.5	30.9	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	99,305 (4.4)	21.0	27.0	25.8	15.8	8.6	8.6	2.2	2.1	0.6	-0.9	3.8	-3.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	47,467 (2.1)	14.2	18.6	19.2	9.1	12.0	12.0	2.1	1.9	-0.8	-1.5	9.8	75.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	568,133 (25.0)	55.4	17.1	15.3	-3.2	17.3	17.7	-	-	3.7	7.5	8.9	103.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	350,927 (15.4)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	1.4	6.9	18.2	149.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	152,851 (6.7)	52.4	-	-	-25.5	-	-	-	-	4.5	11.4	18.5	83.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	430,979 (19.0)	27.2	14.8	25.1	36.3	-	-	4.9	4.5	5.1	14.6	32.0	260.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	329,885 (14.5)	42.1	19.1	17.7	4.0	32.8	34.1	5.8	5.6	1.8	0.9	1.3	-16.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	24,981 (1.1)	36.9	27.3	22.4	7.3	20.3	22.5	5.1	4.5	1.0	7.2	6.8	-10.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	166,716 (7.3)	16.5	51.8	29.6	-51.9	18.1	22.9	9.1	7.0	2.8	4.5	4.5	71.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	52,482 (2.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	7.0	7.3	13.2	-42.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	117,951 (5.2)	11.0	-	36.9	-88.5	0.4	16.2	-	-	1.4	1.4	2.2	5.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	197,843 (8.7)	10.8	30.4	21.2	-57.0	9.3	12.6	2.6	2.4	2.4	1.2	2.0	60.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	131,220 (5.8)	38.4	46.6	14.8	65.7	3.1	8.4	1.5	1.4	5.9	9.2	31.9	16.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	80,223 (3.5)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	6.9	13.1	18.4	158.9
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	275,549 (12.1)	37.7	-	-	-13.2	12.1	12.7	-	-	7.0	21.7	43.5	92.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	24,496 (1.1)	3.6	37.0	18.0	-52.4	1.8	3.7	0.6	0.6	0.3	-0.5	3.4	-6.4
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	43,704 (1.9)	0.0	12.6	10.4	-4.5	13.2	14.2	1.5	1.4	1.3	0.0	2.1	47.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	228,931 (10.1)	46.1	25.4	20.6	-17.5	18.7	21.4	4.7	4.3	0.5	1.4	9.4	42.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	26,018 (1.1)	31.4	13.6	11.0	-10.5	11.2	15.7	1.5	1.5	0.4	0.0	5.7	-5.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	5,962 (0.3)	34.1	20.0	11.9	-5.1	7.3	12.6	1.5	1.5	0.7	0.2	-1.5	-5.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,447,628 (63.6)	18.0	8.0	8.1	21.9	41.4	29.4	2.7	2.1	0.4	2.0	2.0	85.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	342,144 (15.0)	36.5	13.4	17.8	-0.5	18.9	12.7	2.3	2.1	3.4	4.4	39.0	176.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	249,887 (11.0)	46.5	24.7	23.1	-4.5	16.5	15.5	2.9	2.7	5.0	8.4	30.4	163.2
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	486,721 (21.4)	38.9	6.8	7.1	67.9	26.8	21.5	1.6	1.4	-0.9	0.1	-3.4	128.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	118,193 (5.2)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.5	-1.7	6.5	31.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	98,777 (4.3)	4.6	19.1	16.8	-51.0	16.3	17.3	2.9	2.9	1.5	1.5	1.5	0.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	249,162 (11.0)	39.9	894.5	28.5	-11.9	0.0	3.4	0.9	0.9	3.1	10.5	28.8	87.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	125,522 (5.5)	35.9	11.9	10.4	1.2	14.6	14.9	1.6	1.4	1.6	1.4	3.1	80.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	178,354 (7.8)	0.0	19.6	15.0	13.7	24.5	27.4	4.3	3.7	-0.3	1.2	2.2	66.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	67,843 (3.0)	0.0	24.1	18.4	2.4	19.0	22.6	4.4	3.8	0.0	6.8	8.5	33.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	5,248 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.9	4.3	9.4	-63.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	82,819 (3.6)	30.3	45.2	28.1	-75.2	8.0	12.1	3.5	3.3	-1.3	-0.2	14.2	71.3
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	74,842 (3.3)	34.6	22.2	10.9	41.2	13.6	27.3	2.8	2.7	0.0	14.8	27.7	8.4
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,585 (0.1)	45.4	17.9	16.9	10.7	19.9	20.3	3.5	3.1	0.0	-1.1	1.5	-2.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	223 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	-2.8	-0.5	7.3
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	208,701 (9.2)	0.0	21.7	18.0	15.5	24.0	25.1	4.6	4.1	-0.2	1.7	-1.5	89.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

